

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ I LỚP 2	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	26
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	28
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	30
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	32
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	34
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	36
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	38

A. HỆ THỐNG ĐỀ THI



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số liền sau của số tròn chục nhỏ nhất là:

- A. 9 B. 10 C. 11 D. 12

Câu 2. Cho dãy số: 2 ; 7 ; 12 ; 17 ; 22 ; ; Hai số tiếp theo trong dãy là:

- A. 27 ; 32 B. 26 ; 30 C. 23 ; 24 D. 27 ; 33

Câu 3. Số thích hợp để điền vào dấu “?” là:



- A. 71 B. 90 C. 63 D. 54

Câu 4. Lan hái được 24 bông hoa, Liên hái được nhiều hơn Lan 16 bông hoa. Vậy Liên hái được số bông hoa là:

- A. 8 bông hoa B. 39 bông hoa C. 40 bông hoa D. 18 bông hoa

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

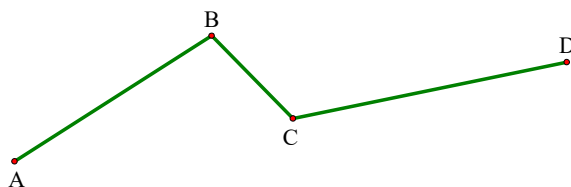
$$7 \text{ dm} + 13 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ dm.}$$

Câu 6. Sắp xếp các phép tính sau theo thứ tự từ phép tính có kết quả bé đến phép tính có kết quả lớn:

$$8 + 7 ; 14 - 7 ; 10 - 5 ; 4 + 7$$

- A. $14 - 7 ; 10 - 5 ; 4 + 7 ; 8 + 7$ B. $10 - 5 ; 4 + 7 ; 8 + 7 ; 14 - 7$
 C. $8 + 7 ; 4 + 7 ; 14 - 7 ; 10 - 5$ D. $10 - 5 ; 14 - 7 ; 4 + 7 ; 8 + 7$

Câu 7. Cho đường gấp khúc ABCD (như hình vẽ), biết $AB = 13 \text{ cm}$; $CD = 17 \text{ cm}$, đoạn thẳng BC ngắn hơn đoạn thẳng AB là 7 cm. Tính độ dài đường gấp khúc ABCD.



- A. 36 cm B. 50 cm C. 6 cm D. 37 cm

Câu 8. Hiệu của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số với số nhỏ nhất có hai chữ số khác nhau là:

- A. 89 B. 80 C. 79 D. 78

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính

$45 - 17$

$36 + 14$

$71 - 35$

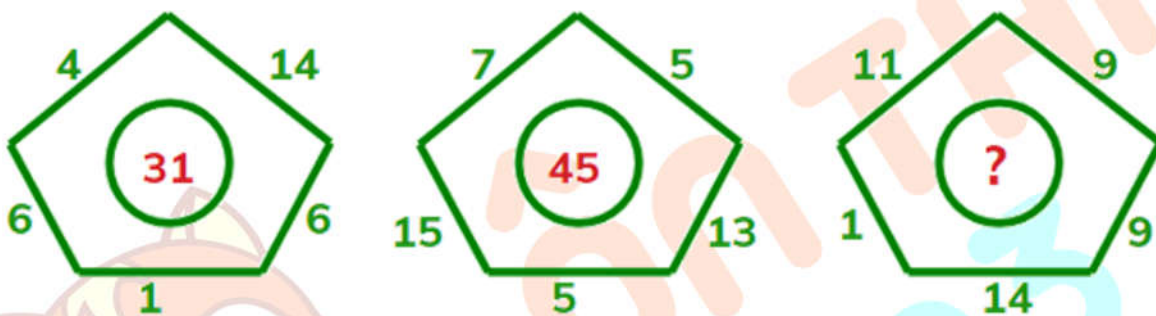
$48 + 46$

Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

$6 \text{ dm} + 17 \text{ cm} - 2 \text{ dm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

$54 \text{ kg} + 38 \text{ kg} - 20 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

$32 \text{ l} + 17 \text{ l} - 23 \text{ l} = \dots\dots\dots \text{ l}$

Bài 3. Trong một bữa tiệc tri ân gặp mặt thầy cô, nhà trường yêu cầu sắp xếp ghế để tổ chức bữa tiệc, hàng thứ nhất có số ghế là số tròn chục liền trước 50. Hàng thứ hai ít hơn hàng thứ nhất là hai chục ghế. Hỏi hàng thứ hai có bao nhiêu cái ghế?**Bài 4.** Quan sát hình sau:

Tìm số cần điền vào dấu “?”.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Số gồm “9 chục và 7 đơn vị” viết là:

Câu 2. 13 là hiệu của cặp số nào dưới đây?

- A. 78 và 21 B. 54 và 41 C. 27 và 10 D. 69 và 28

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống:



Đoạn thẳng AB dài dm.

Câu 4. Cô giáo chuẩn bị 7 chục món quà cho học sinh. Đến tiết sinh hoạt lớp, cô phát quà cho cả lớp, mỗi bạn có một món quà. Biết sĩ số lớp học là 45 bạn. Hỏi cô giáo còn lại bao nhiêu món quà?

- A. 70 món quà B. 45 món quà C. 25 món quà D. 35 món quà

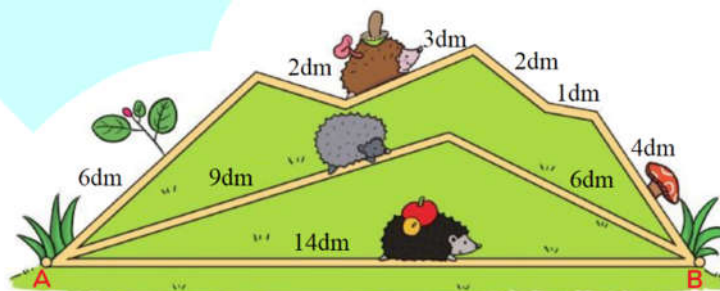
Câu 5. Điền số thích hợp vào ngôi sao:



- A. 12 B. 13 C. 14 D. 15

Câu 6. Điền tên “Nhím Nâu, Nhím Xám, Nhím Đen” thích hợp vào chỗ trống

Quan sát hình sau và cho biết đường đi của bạn Nhím nào là ngắn nhất?

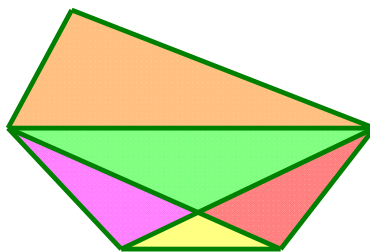


Đường đi của bạn là ngắn nhất.

Câu 7. Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn nhất?

- A. 12 – 9 B. 16 – 8 C. 11 – 5 D. 13 – 6

Câu 8. Hình vẽ sau có mấy hình tứ giác?



A. 4

B. 3

C. 2

D. 5

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

$28 + 35$

$43 + 48$

$63 - 28$

$91 - 43$

Bài 2. Điền dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ trống:

a) $5 \text{ dm} + 12 \text{ cm} \dots\dots\dots 62 \text{ cm}$

b) $17 \text{ cm} + 4 \text{ dm} \dots\dots\dots 24 \text{ cm}$

c) $45 \text{ cm} + 3 \text{ dm} \dots\dots\dots 85 \text{ cm}$

Bài 3. Thúng đựng cam có 52 quả, thúng đựng quýt có nhiều hơn thúng đựng cam 18 quả. Hỏi thúng đựng quýt có bao nhiêu quả?

Bài 4. Có bao nhiêu số tự nhiên nhỏ hơn 100 và lớn hơn 10 mà tổng chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 12?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 3

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

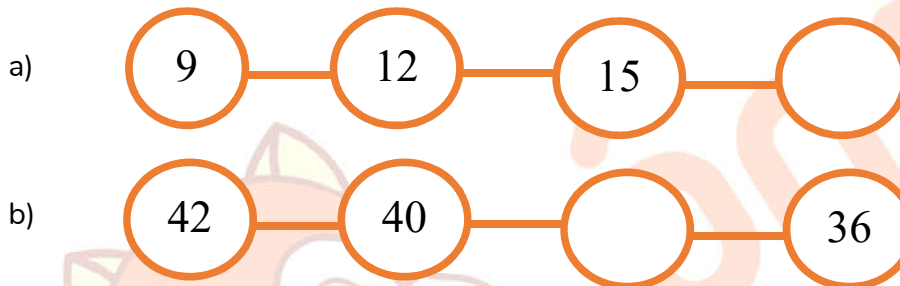
Câu 1. Mạnh có 40 viên bi, Huy có ít hơn Mạnh 22 viên bi. Vậy Huy có số viên bi là:

- A. 18 viên bi B. 28 viên bi C. 62 viên bi D. 32 viên bi

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là:

Câu 3. Quan sát hình dưới đây.



Các số cần điền vào chỗ trống của câu a) và b) lần lượt là:

- A. 17 ; 37 B. 20 ; 38 C. 38 ; 18 D. 18 ; 38

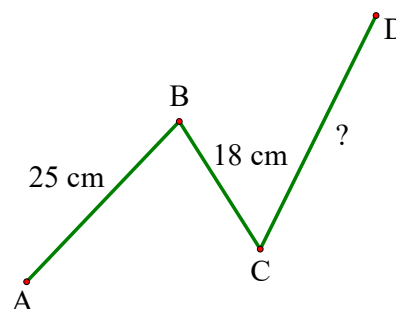
Câu 4. Trong một rổ hoa quả có 16 quả táo. Số quả cam nhiều hơn số quả táo là 6 quả. Hỏi trong rổ có bao nhiêu quả cam?

- A. 24 quả cam B. 10 quả cam C. 20 quả cam D. 22 quả cam

Câu 5. Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào chỗ trống:

$$45 + 38 \quad \square \quad 91 - 9$$

Câu 6. Cho đường gấp khúc ABCD có độ dài là 74 cm. Biết độ dài đoạn thẳng AB là 25 cm, độ dài đoạn thẳng BC là 18 cm. Tính độ dài đoạn thẳng CD.



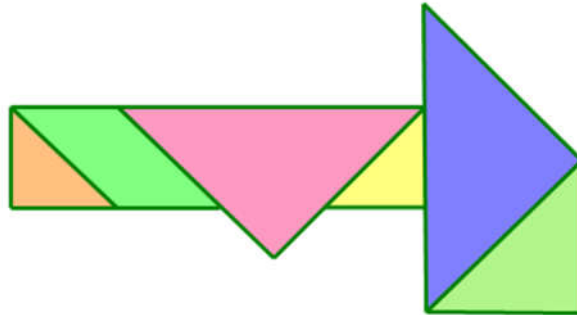
- A. 24 cm B. 14 cm C. 31 cm D. 19 cm

Câu 7. Các số thích hợp điền vào chỗ trống dưới đây lần lượt là:

$$42 + 18 = \square = 36 + \square$$

- A. 50 và 14 B. 60 và 24 C. 50 và 24 D. 60 và 34

Câu 8. Trong hình sau đây, có bao nhiêu hình tứ giác?



- A. 2 hình B. 3 hình C. 4 hình D. 5 hình

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

$56 + 7$

$19 + 35$

$61 - 24$

$90 - 72$

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

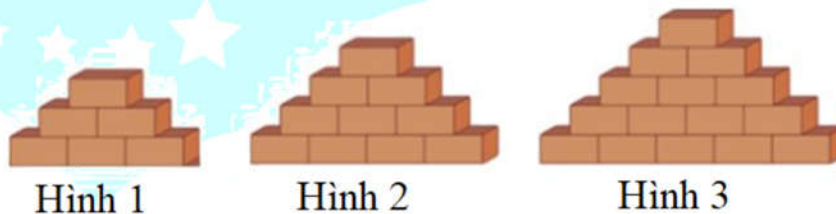
$6 \text{ dm} + 17 \text{ cm} - 25 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$

$92 \text{ kg} - 4 \text{ kg} - 27 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

$53 \text{ l} + 39 \text{ l} - 27 \text{ l} = \dots\dots\dots \text{ l}$

Bài 3. Thùng A có 82 lít dầu. Sau khi đổ từ thùng A vào đầy một chiếc bình 26 lít và 1 chiếc bình 19 lít thì trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

Bài 4. Các viên gạch được sắp xếp thành các hình khối theo quy luật như hình dưới đây:



Hình 1

Hình 2

Hình 3

Hỏi hình thứ 4 được xếp từ bao nhiêu viên gạch?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số liền trước của số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

- A. 97 B. 98 C. 99 D. 95

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

Số gồm 4 chục và 5 đơn vị được viết là:

Câu 3. Khi Tý đang làm bài tập về nhà, bạn mèo nhà Tý vô tình làm đổ mực và làm nhoè một chữ số trong phép tính sau:

$$\begin{array}{r} 3 \star \\ - 16 \\ \hline 18 \end{array}$$

Hỏi đó là chữ số nào?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 4. Tổng số liền trước và số liền sau của số nhỏ nhất có hai chữ số là:

- A. 20 B. 21 C. 22 D. 23

Câu 5. Lan dùng một sợi dây thép để uốn thành một hình có 3 cạnh đều bằng 7cm như hình dưới đây thì thấy sợi dây vừa hết. Hỏi sợi dây đó dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



- A. 20cm B. 21cm C. 22cm D. 23cm

Câu 6. Số cần điền vào dấu ? là:

$$25 + 11 \rightarrow \boxed{} + 31 \rightarrow \boxed{} - 12 \rightarrow = ?$$

A. 45

B. 52

C. 39

D. 55

Câu 7. Số viên bi của Tùng là số liền trước của số lớn nhất có một chữ số. Tùng có ít hơn Minh 5 viên bi. Hỏi Minh có bao nhiêu viên bi?

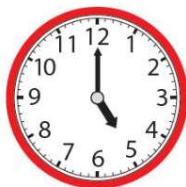
A. 3 viên bi

B. 7 viên bi

C. 10 viên bi

D. 13 viên bi

Câu 8. Nối hai đồng hồ chỉ cùng thời gian:



14 : 00

22 : 00

17 : 00

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính:

a) $54 - 7 + 21$

b) $67 + 9 - 34$

c) $13 - 7 + 41$

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ trống:

a) Hiệu của số tròn chục liền trước 90 và số lớn nhất có một chữ số là 71.

b) Tổng của 8 và số lớn nhất có hai chữ số mà hàng chục là 7 là 85.

c) Trong một phép tính có số bị trừ bằng số trừ thì hiệu có giá trị bằng số bị trừ.

Bài 3. Hôm qua, số cà chua Bình thu hoạch được là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số. Hôm nay, Bình thu hoạch được ít hơn hôm qua 8 quả cà chua. Hỏi hôm nay Bình thu hoạch được bao nhiêu quả cà chua?

Bài 4. Tìm kết quả thích hợp để thay thế dấu “?”

+ + = 30

+ + = 18

- = 2

+ + = ?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

$$97 = \dots\dots + 7$$

Câu 2. Số liền sau số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:

A. 11

B. 12

C. 13

D. 14

Câu 3. Tính:

$$78 - 15 + 9 = \dots\dots$$

A. 71

B. 72

C. 73

D. 74

Câu 4. Hiệu của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số và số lớn nhất có một chữ số là:

A. 81

B. 76

C. 54

D. 62

Câu 5. Mẹ nuôi một đàn gà gồm 17 con, trong đó có 9 con gà trống. Hỏi mẹ nuôi bao nhiêu con gà mái?

A. 7 con

B. 8 con

C. 9 con

D. 10 con

Câu 6. Số thích hợp cần điền vào ô màu cam là bao nhiêu?



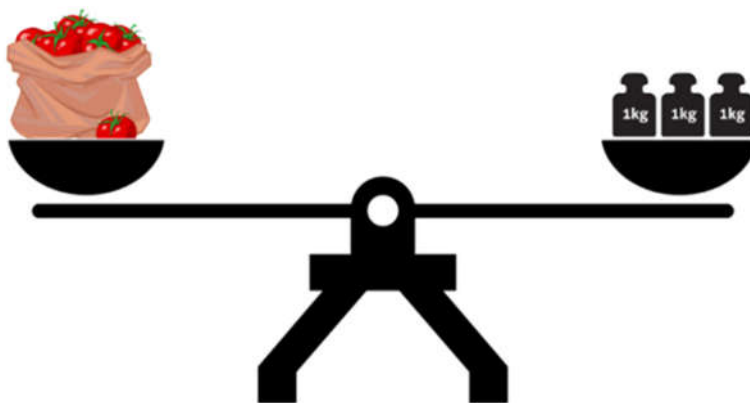
A. 35

B. 36

C. 37

D. 38

Câu 7. Quan sát hình vẽ dưới đây và cho biết cà chua nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



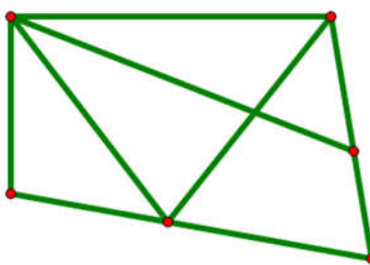
A. 2kg

B. 3kg

C. 4kg

D. 5kg

Câu 8. Hình vẽ sau có bao nhiêu hình tứ giác?



A. 5 hình

B. 9 hình

C. 7 hình

D. 4 hình

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

$$56 + 9$$

$$74 - 8$$

$$37 + 5$$

$$80 - 6$$

Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

1 ngày có giờ.

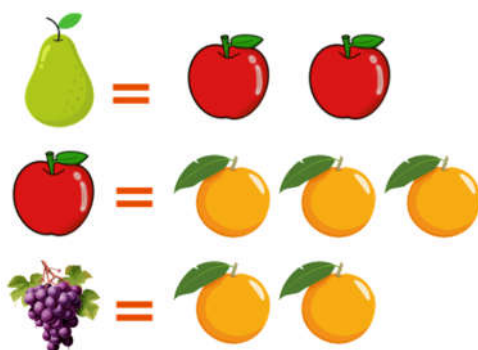
Tháng 8 có ngày.

Tháng 11 có ngày.

Tháng 2 có hoặc ngày.

Bài 3. An có 54 viên bi và có nhiều hơn Bình 15 viên bi. Hỏi Bình có bao nhiêu viên bi?

Bài 4. Cô giáo có một trò chơi đổi quà như dưới đây. Biết Xoài có 6 quả lê. Nếu muốn đổi hết lê để lấy nho thì Xoài có bao nhiêu chùm nho?



Trả lời:

ĐỀ SỐ 6 SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Trên tia số các số lớn hơn 19 và nhỏ hơn 23 là:



- A. 21 ; 22 B. 20; 21; 22 C. 22; 23 D. 20; 22

Câu 2. Điền dấu "> ; < ; =" thích hợp vào chỗ trống:

$$9 + 6 - 8 \quad \square \quad 15 - 7 + 6$$

Câu 3. 45 là tổng của cặp số nào sau đây?

- A. 32 và 21 B. 11 và 34 C. 27 và 19 D. 10 và 28

Câu 4. Trong một hộp đồ dùng học tập có 13 chiếc bút chì màu và số bút chì màu nhiều hơn số bút mực là 7 chiếc. Hỏi trong hộp đồ dùng học tập có bao nhiêu chiếc bút mực?

- A. 5 chiếc B. 8 chiếc C. 7 chiếc D. 6 chiếc

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

$$74 + \square = 83$$

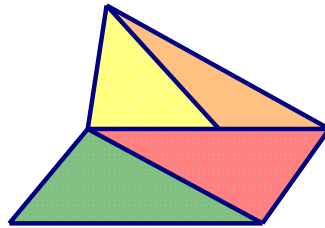
Câu 6. Buổi sáng Lan thu được 5kg chai nhựa. Buổi chiều Lan thu được 9kg chai nhựa. Lan thu như thế trong hai ngày. Hỏi cả hai ngày Lan thu được bao nhiêu ki-lô-gam chai nhựa?

- A. 14kg B. 18kg C. 29kg D. 28kg

Câu 7. Hôm nay là thứ Tư ngày 21 tháng 8. Vậy thứ Tư tuần sau là ngày mấy tháng 8?

- A. Ngày 28 B. Ngày 15 C. Ngày 26 D. Ngày 17

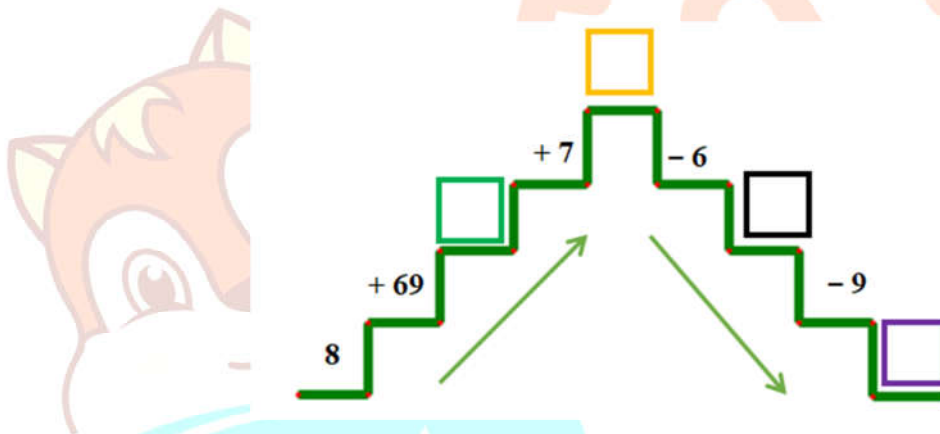
Câu 8. Hình vẽ sau có bao nhiêu đoạn thẳng?



- A. 8 đoạn thẳng B. 9 đoạn thẳng
C. 10 đoạn thẳng D. 11 đoạn thẳng

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:



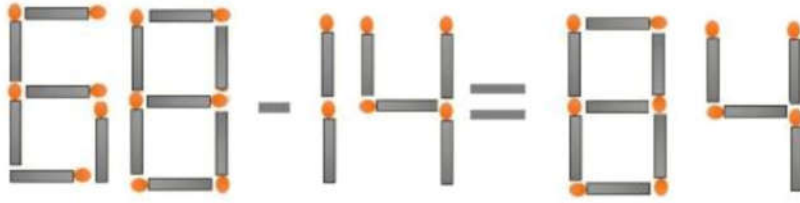
- Ô trống màu xanh:
- Ô trống màu vàng:
- Ô trống màu đen:
- Ô trống màu tím:

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- a) Một số khi cộng với hiệu của 15 và 8 thì được 58. Vậy số đó là 51.
- b) Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số và 20 bằng 89.
- c) Tổng của số lớn nhất có một chữ số và số tròn chục liền sau 30 bằng 69.

Bài 3. Mít đang xếp hàng lên xe buýt đi chơi. Mít thấy mình đứng thứ 8 tính từ đầu hàng và xếp sau Mít có thêm 7 bạn nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn đang xếp hàng?

Bài 4. Quan sát hình vẽ sau:



Cho phép tính $68 - 14 = 84$. Đổi 1 que diêm để được phép tính đúng. Em hãy viết phép tính đúng đó.

Trả lời:



ĐỀ SỐ 7

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số tròn chục có hai chữ số lớn hơn 27 và nhỏ hơn 34 là:

- A. 10 B. 20 C. 30 D. 40

Câu 2. Trong một phép trừ, khi lấy số bị trừ trừ đi 0 thì được hiệu bằng:

- A. 0 B. 1 C. 10 D. Chính nó

Câu 3. Dãy số được viết theo thứ tự tăng dần là:

- A. 91; 57; 58; 73; 24 B. 57; 58; 91; 73; 24
C. 57; 58; 24; 73; 91 D. 24; 57; 58; 73; 91

Câu 4. Quan sát biểu đồ tranh dưới đây:

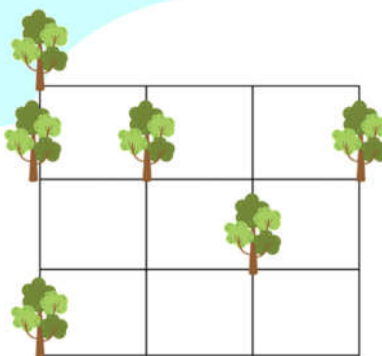
Một số loại quả

Quả lê	
Quả dâu tây	
Quả xoài	
Quả táo	

Trong các loại quả trên, loại quả ít nhất là:

- A. Quả dâu tây B. Quả lê C. Quả xoài D. Quả táo

Câu 5. Quan sát hình sau:



Cứ 3 cây thẳng hàng ta nhóm thành 1 nhóm. Vậy có tất cả số nhóm cây thẳng hàng là:

- A. 2 nhóm B. 3 nhóm C. 4 nhóm D. 5 nhóm

Câu 6. Chủ nhật tuần này là ngày 19 tháng 8. Vậy chủ nhật tuần trước là ngày bao nhiêu tháng 8?

- A. Ngày 12 B. Ngày 15 C. Ngày 21 D. Ngày 24

Câu 7. Trên xe buýt đang chở 35 hành khách. Tới bến đỗ thứ nhất, có 12 người xuống xe và 3 người lên xe. Hỏi lúc này trên xe buýt có bao nhiêu hành khách?

- A. 17 hành khách
- B. 23 hành khách
- C. 26 hành khách
- D. 20 hành khách

Câu 8. Có tất cả bao nhiêu số có hai chữ số mà chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị là 1?

- A. 8
- B. 9
- C. 10
- D. 11

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính

63 + 18

19 + 35

61 - 24

78 - 49

Bài 2. Nối đồng hồ với mốc thời gian thích hợp:



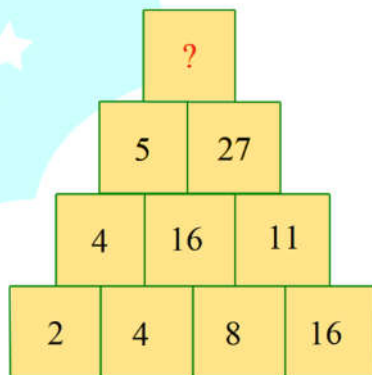
17 giờ

13 giờ

15 giờ

Bài 3. Bốn năm trước tổng số tuổi của mẹ và Tít là 43 tuổi. Hỏi hiện nay tổng số tuổi của mẹ và Tít là bao nhiêu tuổi?

Bài 4. Quan sát hình dưới đây:



Em hãy tìm số thích hợp để thay thế dấu “?”.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 8

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số liền sau của số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

- A. 97 B. 98 C. 99 D. 96

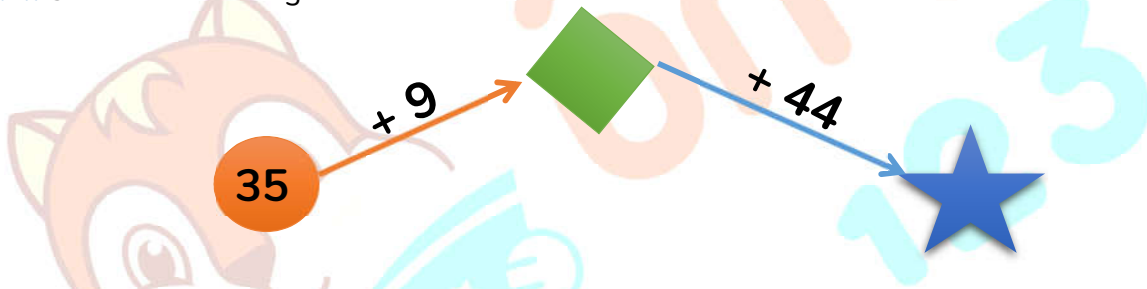
Câu 2. 21 giờ còn được gọi là:

- A. 9 giờ sáng B. 4 giờ chiều C. 3 giờ chiều D. 9 giờ tối

Câu 3. Điền “có thể, không thể, chắc chắn” thích hợp vào chỗ trống:

Trong hộp bút của Mây có 2 bút chì và 2 bút mực. Mây lấy 1 cái bút ra khỏi hộp của mình thì Mây lấy được bút chì.

Câu 4. Số cần điền vào ngôi sao là:

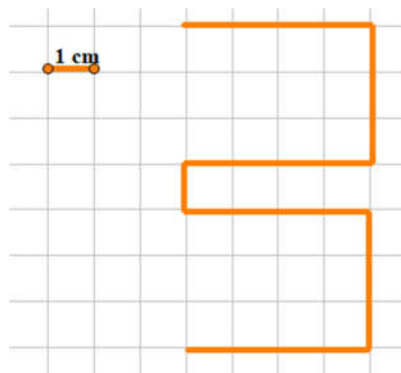


- A. 88 B. 77 C. 44 D. 43

Câu 5. Hai anh em Bình có 15 cái kẹo. Mẹ cho thêm Bình 2 cái kẹo và cho thêm em 3 cái. Hỏi sau khi mẹ cho hai anh em có tất cả bao nhiêu cái kẹo?

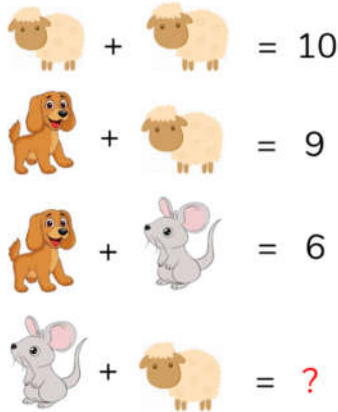
- A. 17 cái kẹo B. 18 cái kẹo C. 20 cái kẹo D. 19 cái kẹo

Câu 6. Độ dài của đường gấp khúc có trong hình vẽ sau là:



- A. 21 cm B. 22 cm C. 23 cm D. 24 cm

Câu 7. Số thích hợp điền vào dấu hỏi chấm là:



- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 8. Mai cao hơn Hoa 2cm. Bình thấp hơn Mai 3cm. Hỏi Hoa với Bình ai cao hơn và cao hơn bao nhiêu xăng-ti-mét?

- A. Bình cao hơn Hoa 1cm B. Hoa cao hơn Bình 1cm
 C. Bình cao hơn Hoa 5cm C. Hoa cao hơn Bình 5cm

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

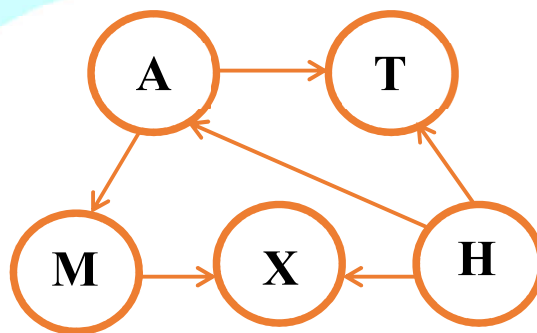
Bài 1. Điền dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ trống:

5dm + 13cm 60cm
 4dm + 32cm 8dm – 20cm + 12cm
 9dm – 40cm 3dm + 38cm

Bài 2. Cho hai số có tổng là 60. Sau khi thêm vào số lớn 19 đơn vị và bớt ở số bé đi 7 đơn vị thì ta được tổng mới. Tìm tổng mới đó.

Bài 3. Năm nay Bông 4 tuổi và mẹ Bông 35 tuổi. Hỏi 8 năm nữa mẹ hơn Bông bao nhiêu tuổi?

Bài 4. Các số tự nhiên 1, 2, 3, 4, 5 được điền vào các vòng tròn dưới đây sao cho mỗi số được điền 1 lần và mỗi vòng tròn được điền 1 số. Chiều mũi tên chỉ từ số bé đến số lớn. Tìm số được điền ở vòng tròn A.



Trả lời:.....

ĐỀ SỐ 9

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

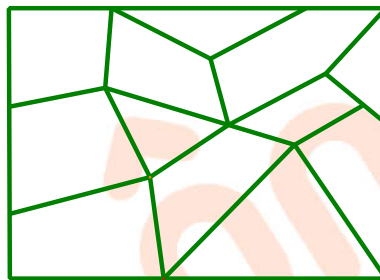
I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

2 ; 12 ; 22 ; ; ; 52 ; 62.

Câu 2. Bạn Voi sơn màu vàng vào các mảnh ghép hình tứ giác, các mảnh ghép còn lại bạn sơn màu xanh lá cây và màu hồng. Hỏi có bao nhiêu mảnh ghép được sơn màu vàng?



- A. 6 mảnh ghép
- B. 7 mảnh ghép
- C. 8 mảnh ghép
- D. 9 mảnh ghép

Câu 3. Các số thích hợp điền vào các chỗ trống dưới đây lần lượt là:

$$42 + 18 = \square = 36 + \square$$

- A. 50 và 14
- B. 50 và 24
- C. 60 và 24
- D. 60 và 34

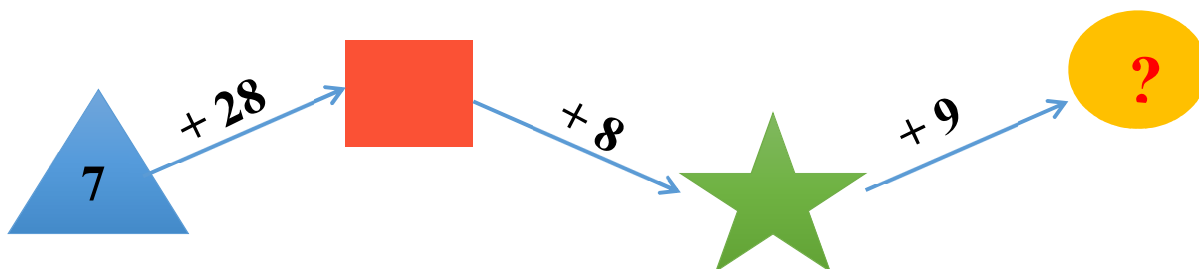
Câu 4. Tháng 9, bạn Nhi nhận được 56 ngôi sao thi đua. Tháng 10, bạn Nhi nhận được ít hơn tháng 9 là 8 ngôi sao thi đua. Hỏi tháng 10 bạn Nhi nhận được bao nhiêu ngôi sao thi đua?

- A. 28 cái
- B. 38 cái
- C. 37 cái
- D. 48 cái

Câu 5. Một số cộng với hiệu của 17 và 9 thì được 68. Tìm số đó.

- A. 60
- B. 65
- C. 70
- D. 75

Câu 6. Số thích hợp cần điền vào hình tròn là:



- A. 43
- B. 52
- C. 56
- D. 57

Câu 7. Một người theo dõi thời tiết đã ghi lại thời tiết trong tháng 4 như sau:

4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	

Em quan sát hình trên và cho biết câu nào dưới đây là đúng?

- A. Số ngày mưa nhiều nhất trong tháng
- B. Số ngày nhiều mây nhiều nhất trong tháng
- C. Số ngày nắng nhiều nhất trong tháng
- D. Số ngày mưa ít nhất trong tháng

Câu 8. Chủ nhật tuần này là ngày 19 tháng 8. Vậy chủ nhật tuần trước là ngày bao nhiêu tháng 8?

- A. Ngày 16
- B. Ngày 12
- C. Ngày 21
- D. Ngày 24

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

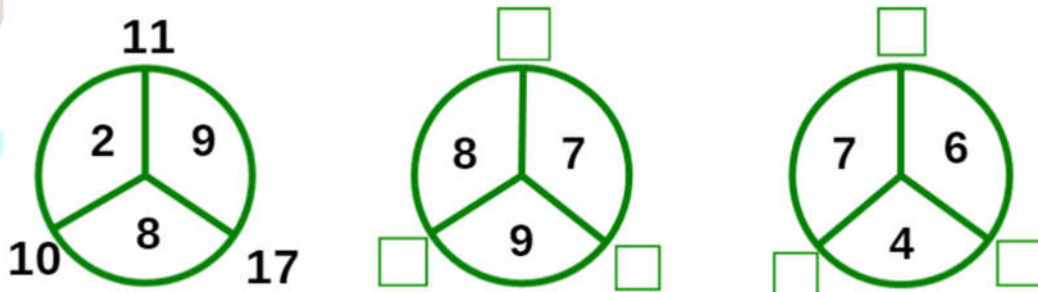
$56 + 7$

$19 + 35$

$61 - 24$

$100 - 82$

Bài 2. Quan sát hình dưới đây và điền các số còn thiếu vào chỗ trống:



Bài 3. Nhà Hồng Xiêm có một giá sách có 2 ngăn, mỗi ngăn là 42 quyển sách. Hưởng ứng phong trào quyên góp ủng hộ cho trẻ em những vùng khó khăn, gia đình Hồng Xiêm đã quyên góp 30 quyển sách cho quỹ. Hỏi trên giá sách nhà Hồng Xiêm còn lại bao nhiêu quyển sách?

Bài 4. Vũng sứa tầm được 17 cái sticker. Anh trai Vũng sứa tầm được 12 cái sticker. Mỗi trang của bộ sưu tập không chứa được nhiều hơn 9 cái sticker. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu trang để trưng bày được toàn bộ số sticker của hai anh em?

Trả lời:.....

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	C	C	20	D	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r}
 45 - 17 \\
 45 \\
 - \\
 17 \\
 \hline
 28
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 36 + 14 \\
 36 \\
 + \\
 14 \\
 \hline
 50
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 71 - 35 \\
 71 \\
 - \\
 35 \\
 \hline
 36
 \end{array}
 \qquad
 \begin{array}{r}
 48 + 46 \\
 48 \\
 + \\
 46 \\
 \hline
 94
 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

$$\begin{aligned}
 6 \text{ dm} + 17 \text{ cm} - 2 \text{ dm} &= \dots\dots \text{ cm} \\
 54 \text{ kg} + 38 \text{ kg} - 20 \text{ kg} &= \dots\dots \text{ kg} \\
 32 \text{ l} + 17 \text{ l} - 23 \text{ l} &= \dots\dots \text{ l}
 \end{aligned}$$

Lời giải

Ta có:

$$+) 6 \text{ dm} + 17 \text{ cm} - 2 \text{ dm} = 60 \text{ cm} + 17 \text{ cm} - 20 \text{ cm} = \mathbf{57} \text{ cm}$$

$$+) 54 \text{ kg} + 38 \text{ kg} - 20 \text{ kg} = \mathbf{72} \text{ kg}$$

$$+) 32 \text{ l} + 17 \text{ l} - 23 \text{ l} = \mathbf{26} \text{ l}$$

Bài 3. (2 điểm) Trong một bữa tiệc tri ân gặp mặt thầy cô, nhà trường yêu cầu sắp xếp ghế để tổ chức bữa tiệc, hàng thứ nhất có số ghế là số tròn chục liền trước 50. Hàng thứ hai ít hơn hàng thứ nhất là hai chục ghế. Hỏi hàng thứ hai có bao nhiêu cái ghế?

Lời giải

Số tròn chục liền trước 50 là 40.

Do đó hàng thứ nhất có 40 cái ghế.

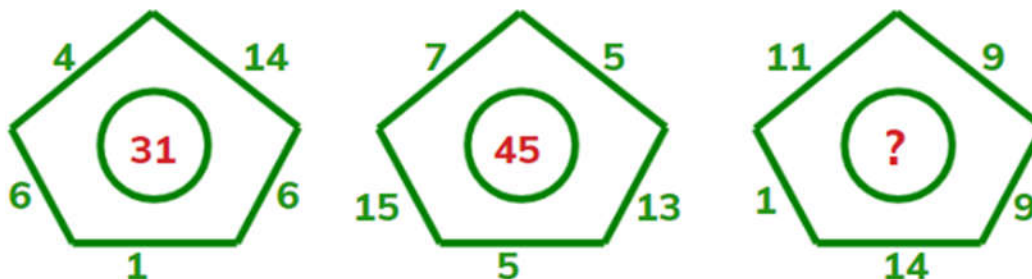
Hai chục ghế = 20 cái ghế.

Hàng thứ hai có số cái ghế là:

$$40 - 20 = 20 \text{ (cái ghế).}$$

Đáp số: 20 cái ghế.

Bài 4. (0,5 điểm) Quan sát hình sau:



Tìm số cần điền vào dấu “?”.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số cần điền vào dấu “?” là: **44**.

(Quan sát 2 hình đầu ta thấy, ở mỗi hình số ở giữa trong hình tròn bằng tổng tất cả các số bên ngoài.

Hình thứ nhất:

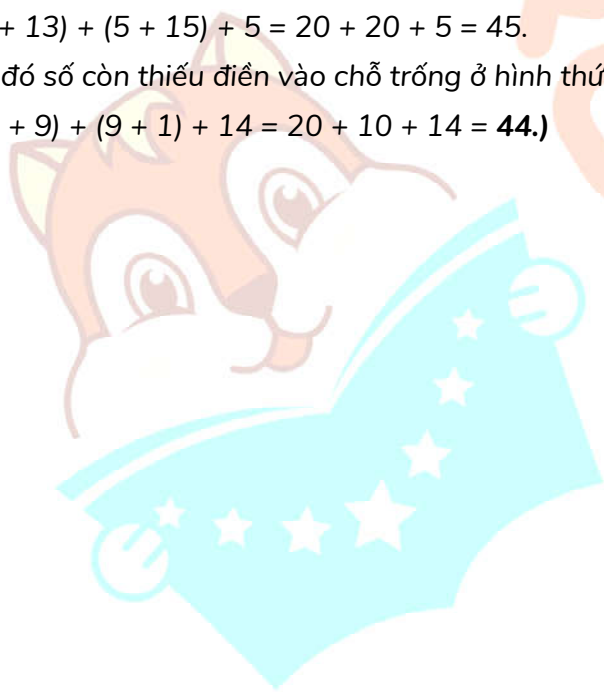
$$(4 + 6) + (14 + 6) + 1 = 10 + 20 + 1 = 31.$$

Hình thứ hai:

$$(7 + 13) + (5 + 15) + 5 = 20 + 20 + 5 = 45.$$

Do đó số còn thiếu điền vào chỗ trống ở hình thứ ba là:

$$(11 + 9) + (9 + 1) + 14 = 20 + 10 + 14 = \mathbf{44.}$$



ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	97	B	1	C	D	Nhím Đen	B	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$28 + 35$$

$$\begin{array}{r} 28 \\ + \\ \hline \end{array}$$

$$35$$

$$\hline$$

$$63$$

$$43 + 48$$

$$\begin{array}{r} 43 \\ + \\ \hline \end{array}$$

$$48$$

$$\hline$$

$$91$$

$$63 - 28$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ - \\ \hline \end{array}$$

$$28$$

$$\hline$$

$$35$$

$$91 - 43$$

$$\begin{array}{r} 91 \\ - \\ \hline \end{array}$$

$$43$$

$$\hline$$

$$48$$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền dấu "> ; < ; =" thích hợp vào chỗ trống:

a) $5 \text{ dm} + 12 \text{ cm} \dots\dots 62 \text{ cm}$

b) $17 \text{ cm} + 4 \text{ dm} \dots\dots 24 \text{ cm}$

c) $45 \text{ cm} + 3 \text{ dm} \dots\dots 85 \text{ cm}$

Lời giải

Ta có:

a) $5 \text{ dm} + 12 \text{ cm} = 50 \text{ cm} + 12 \text{ cm} = 62 \text{ cm}$

Vì $62 \text{ cm} = 62 \text{ cm}$ nên: $5 \text{ dm} + 12 \text{ cm} = 62 \text{ cm}$

b) $17 \text{ cm} + 4 \text{ dm} = 17 \text{ cm} + 40 \text{ cm} = 57 \text{ cm}$

Vì $57 \text{ cm} > 24 \text{ cm}$ nên: $17 \text{ cm} + 4 \text{ dm} > 24 \text{ cm}$

c) $45 \text{ cm} + 3 \text{ dm} = 45 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = 75 \text{ cm}$

Vì $75 \text{ cm} < 85 \text{ cm}$ nên: $45 \text{ cm} + 3 \text{ dm} < 85 \text{ cm}$

Bài 3. (2 điểm) Thùng đựng cam có 52 quả, thùng đựng quýt có nhiều hơn thùng đựng cam 18 quả. Hỏi thùng đựng quýt có bao nhiêu quả?

Lời giải

Thùng đựng quýt có số quả là: $52 + 18 = 70$ (quả).

Đáp số: 70 quả quýt.

Bài 4. (0,5 điểm) Có bao nhiêu số tự nhiên nhỏ hơn 100 và lớn hơn 10 mà tổng chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 12?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Có 7 số tự nhiên thoả mãn yêu cầu bài toán.

(Ta có: $12 = 9 + 3 = 8 + 4 = 7 + 5 = 6 + 6$.

Có 7 số tự nhiên lớn hơn 10, nhỏ hơn 100 mà tổng các chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị bằng 12 là: 39; 93; 48; 84; 57; 75; 66.)



ON THI
123

ĐỀ SỐ 3

SAÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	90	D	D	>	C	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$56 + 7$$

$$\begin{array}{r} 56 \\ + \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 56 \\ + 7 \\ \hline 62 \end{array}$$

$$62$$

$$19 + 35$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 35 \\ \hline 54 \end{array}$$

$$54$$

$$61 - 24$$

$$\begin{array}{r} 61 \\ - \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 61 \\ - 24 \\ \hline 37 \end{array}$$

$$37$$

$$90 - 72$$

$$\begin{array}{r} 90 \\ - \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 90 \\ - 72 \\ \hline 18 \end{array}$$

$$18$$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$$6 \text{ dm} + 17 \text{ cm} - 25 \text{ cm} = \dots\dots\dots \text{ cm}$$

$$92 \text{ kg} - 4 \text{ kg} - 27 \text{ kg} = \dots\dots\dots \text{ kg}$$

$$53 \text{ l} + 39 \text{ l} - 27 \text{ l} = \dots\dots\dots \text{ l}$$

Lời giải

Ta có:

$$+) 6 \text{ dm} + 17 \text{ cm} - 25 \text{ cm} = 60 \text{ cm} + 17 \text{ cm} - 25 \text{ cm} = 52 \text{ cm}$$

$$+) 92 \text{ kg} - 4 \text{ kg} - 27 \text{ kg} = 61 \text{ kg}$$

$$+) 53 \text{ l} + 39 \text{ l} - 27 \text{ l} = 65 \text{ l}$$

Bài 3. (2 điểm) Thùng A có 82 lít dầu. Sau khi đổ từ thùng A vào đầy một chiếc bình 26 lít và 1 chiếc bình 19 lít thì trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

Lời giải

Tổng số dầu đổ vào bình 26 lít và bình 19 lít là:

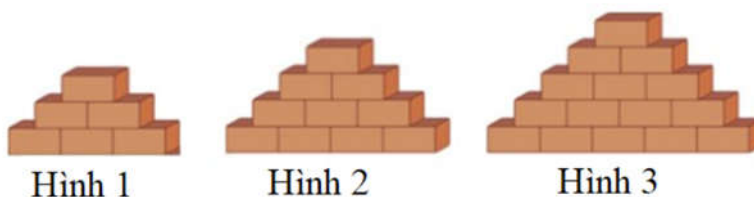
$$26 + 19 = 45 \text{ (lít)}.$$

Số dầu còn lại trong thùng là:

$$82 - 45 = 37 \text{ (lít)}.$$

Đáp số: 37 lít dầu.

Bài 4. (0,5 điểm) Các viên gạch được sắp xếp thành các hình khối theo quy luật như hình dưới đây:



Hỏi hình thứ 4 được xếp từ bao nhiêu viên gạch?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Hình thứ 4 được xếp từ **21** viên gạch.

(Ta thấy hình 1 có 3 tầng và có $1 + 2 + 3 = 6$ (viên gạch).

Hình 2 có 4 tầng và có $1 + 2 + 3 + 4 = 10$ (viên gạch).

Hình 3 có 5 tầng và có $1 + 2 + 3 + 4 + 5 = 15$ (viên gạch)

Vậy hình thứ 4 có 6 tầng và được xếp từ số viên gạch là:

$1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 = 21$ (viên gạch.)



ON THI
123

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	A	45	C	A	B	D	D

Câu 8.



14 : 00

22 : 00

17 : 00

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Tính:

a) $54 - 7 + 21$

b) $67 + 9 - 34$

c) $13 - 7 + 41$

Lời giải

a) $54 - 7 + 21 = 47 + 21 = 68.$

b) $67 + 9 - 34 = 76 - 34 = 42.$

c) $13 - 7 + 41 = 6 + 41 = 47.$

Bài 2. (1,5 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ trống:

a) Hiệu của số tròn chục liền trước 90 và số lớn nhất có một chữ số là 71.

b) Tổng của 8 và số lớn nhất có hai chữ số mà hàng chục là 7 là 85.

c) Trong một phép tính có số bị trừ bằng số trừ thì hiệu có giá trị bằng số bị trừ.

Lời giải

a) Số tròn chục liền trước 90 là: 80.

Số lớn nhất có một chữ số là: 9.

Hiệu của hai số đó là: $80 - 9 = 71.$

Vậy hiệu của số tròn chục liền trước 90 và số lớn nhất có một chữ số là 71. Điền Đ.

b) Số lớn nhất có hai chữ số mà chữ số hàng chục là 7 là: 79.

Tổng của 8 và số lớn nhất có hai chữ số mà hàng chục là 7 là: $8 + 79 = 87$.

Vậy điền S.

c) Trong một phép tính có số bị trừ bằng số trừ thì hiệu có giá trị bằng 0. Vậy điền S.

Bài 3. (2 điểm) Hôm qua, số cà chua Bình thu hoạch được là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số. Hôm nay, Bình thu hoạch được ít hơn hôm qua 8 quả cà chua. Hỏi hôm nay Bình thu hoạch được bao nhiêu quả cà chua?

Lời giải

Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là: 90.

Do đó: Hôm qua Bình thu hoạch được 90 quả cà chua.

Hôm nay Bình thu hoạch được số quả cà chua là: $90 - 8 = 82$ (quả).

Đáp số: 82 quả cà chua.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm kết quả thích hợp để thay thế dấu “?”

$$\text{🍏} + \text{🍏} + \text{🍏} = 30$$

$$\text{🍏} + \text{🍌} + \text{🍌} = 18$$

$$\text{🍌} - \text{🥥} = 2$$

$$\text{🥥} + \text{🍏} + \text{🍌} = ?$$

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Kết quả thích hợp để thay thế dấu “?” là: **14**.

(Từ phép tính thứ nhất, suy ra: 1 quả táo = 10.

Từ phép tính thứ hai, suy ra: 4 quả chuối = 4 nên 1 quả chuối = 1.

Từ phép tính thứ ba, suy ra 2 nửa quả dứa = 2 nên 1 nửa quả dứa = 1.

Vậy 1 nửa quả dứa + 1 quả táo + 3 quả chuối = $1 + 10 + 3 = 14$.)

ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	90	B	B	A	B	D	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính

$$56 + 9$$

$$56$$

+

$$9$$

$$\hline 65$$

$$74 - 8$$

$$74$$

-

$$8$$

$$\hline 66$$

$$37 + 5$$

$$37$$

+

$$5$$

$$\hline 42$$

$$80 - 6$$

$$80$$

-

$$6$$

$$\hline 74$$

Bài 2. (1,5 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

1 ngày có giờ.

Tháng 8 có ngày.

Tháng 11 có ngày.

Tháng 2 có hoặc ngày.

Lời giải

1 ngày có **24** giờ.

Tháng 8 có **31** ngày.

Tháng 11 có **30** ngày.

Tháng 2 có **28** hoặc **29** ngày.

Bài 3. (2 điểm) An có 54 viên bi và có nhiều hơn Bình 15 viên bi. Hỏi Bình có bao nhiêu viên bi?

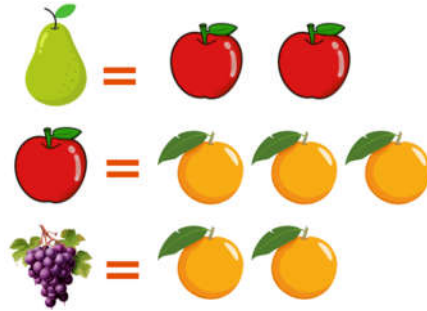
Lời giải

Bình có số viên bi là:

$$54 - 15 = 39 \text{ (viên bi).}$$

Đáp số: 39 viên bi.

Bài 4. (0,5 điểm) Cô giáo có một trò chơi đổi quà như dưới đây. Biết Xoài có 6 quả lê. Nếu muốn đổi hết lê để lấy nho thì Xoài có bao nhiêu chùm nho?



Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Nếu muốn đổi hết lê để lấy nho thì Xoài có **18 chùm nho**.

(Ta có:

+) 1 quả lê = 2 quả táo; 1 quả táo = 3 quả cam

Do đó: 1 quả lê = 3 quả cam + 3 quả cam = 6 quả cam.

+) 1 chùm nho = 2 quả cam

Mà 1 quả lê = 6 quả cam = 2 quả cam + 2 quả cam + 2 quả cam

Do đó: 1 quả lê = 3 chùm nho.

Vậy 6 quả lê = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 18 (chùm nho.)

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

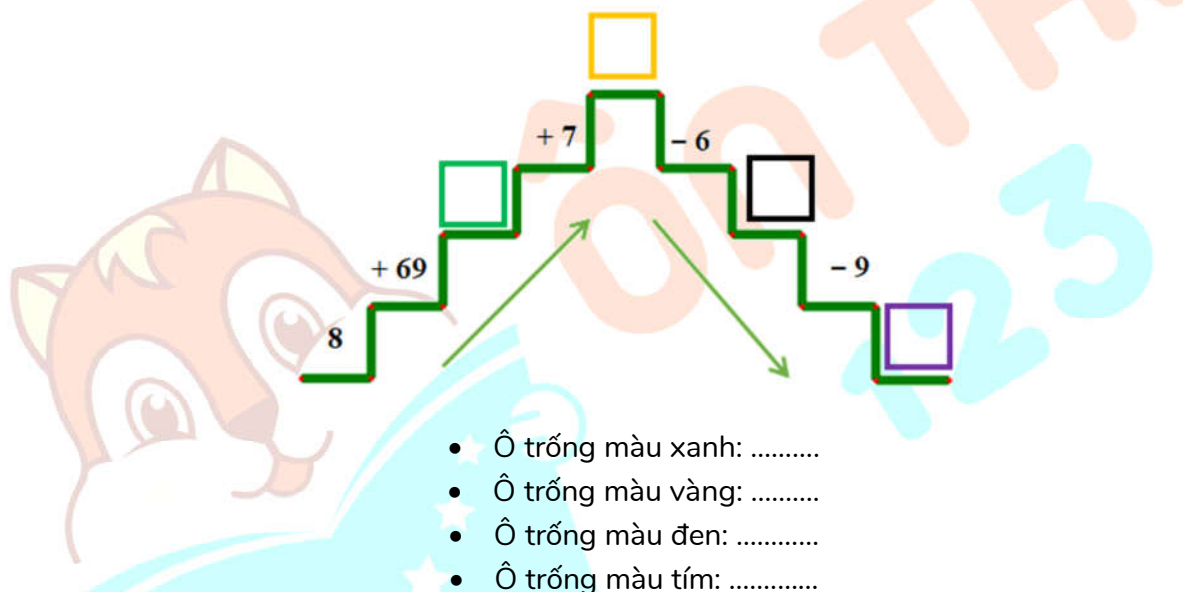
I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	<	B	D	9	D	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ trống:



- Ô trống màu xanh:
- Ô trống màu vàng:
- Ô trống màu đen:
- Ô trống màu tím:

Lời giải

Thực hiện các phép tính theo chiều mũi tên ta có:

- $8 + 69 = 77$
- $77 + 7 = 84$
- $84 - 6 = 78$
- $78 - 9 = 69$

Vậy: Ô trống màu xanh: 77.

Ô trống màu vàng: 84.

Ô trống màu đen: 78.

Ô trống màu tím: 69.

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Một số khi cộng với hiệu của 15 và 8 thì được 58. Vậy số đó là 51.

b) Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số và 20 bằng 89.

c) Tổng của số lớn nhất có một chữ số và số tròn chục liền sau 30 bằng 69.

Lời giải:

a) Hiệu của 15 và 8 là: $15 - 8 = 7$.

Vậy số đó là: $58 - 7 = 51$.

Vậy điền là: Đ.

b) Số lớn nhất có hai chữ số là: 99.

Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số và 20 là: $99 - 20 = 79$.

Vậy điền là: S.

c) Số lớn nhất có một chữ số là: 9.

Số tròn chục liền sau 30 là: 40.

Tổng của hai số đó là: $9 + 40 = 49$.

Vậy điền là: S.

Bài 3. (2 điểm) Mít đang xếp hàng lên xe buýt đi chơi. Mít thấy mình đứng thứ 8 tính từ đầu hàng và xếp sau Mít có thêm 7 bạn nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn đang xếp hàng?

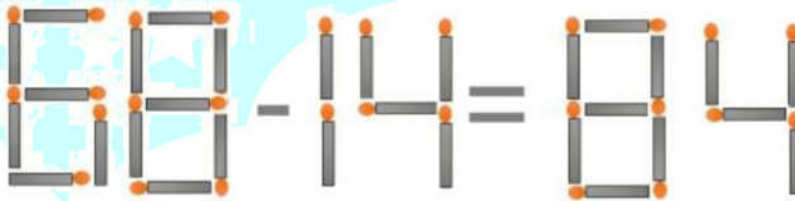
Lời giải:

Mít đứng thứ 8 tính từ đầu hàng nên tính từ đầu hàng đến Mít có tất cả 8 bạn.

Có tất cả số bạn đang xếp hàng là: $8 + 7 = 15$ (bạn).

Đáp số: 15 bạn.

Bài 4. (0,5 điểm) Quan sát hình vẽ sau:



Cho phép tính $68 - 14 = 84$. Đổi 1 que diêm để được phép tính đúng. Em hãy viết phép tính đúng đó.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Phép tính đúng đó là: $98 - 14 = 84$.

(Ta đổi 1 que diêm ở số 6 để biến số 6 thành số 9 và nhận được phép tính đúng là:

$98 - 14 = 84$.)

ĐỀ SỐ 7

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	D	B	B	A	C	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$$63 + 18$$

$$63$$

+

$$18$$

$$\hline 81$$

$$19 + 35$$

$$19$$

+

$$35$$

$$\hline 54$$

$$61 - 24$$

$$61$$

-

$$24$$

$$\hline 37$$

$$78 - 49$$

$$78$$

-

$$49$$

$$\hline 29$$

Bài 2. (1,5 điểm) Nối đồng hồ với mốc thời gian thích hợp:



17 giờ

13 giờ

15 giờ

Bài 3. (2 điểm)

Bốn năm trước tổng số tuổi của mẹ và Tít là 43 tuổi. Hỏi hiện nay tổng số tuổi của mẹ và Tít là bao nhiêu tuổi?

Lời giải

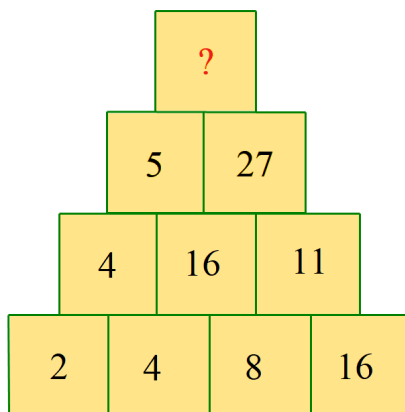
Vì mỗi năm mỗi người thêm 1 tuổi nên sau 4 năm mỗi người tăng thêm 4 tuổi.

Tổng số tuổi của mẹ và Tít hiện nay là:

$$43 + 4 + 4 = 51 \text{ (tuổi).}$$

Đáp số: 51 tuổi.

Bài 4. (0,5 điểm) Quan sát hình dưới đây:



Em hãy tìm số thích hợp để thay thế dấu “?”.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số thích hợp để thay thế dấu “?” là: **33**.

(Tổng các số ở hàng 4 là: $2 + 4 + 8 + 16 = 30$.

Tổng các số ở hàng 3 là: $4 + 16 + 11 = 31$.

Tổng các số ở hàng 2: $5 + 27 = 32$.

Quy luật: Tổng các số ở hàng trên hơn tổng các số ở hàng dưới là 1 đơn vị.

Do đó số thay thế dấu “?” ở hàng 1 là: 33.)

ĐỀ SỐ 8

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	có thể	A	C	C	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Điền dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ trống:

$$5\text{dm} + 13\text{cm} \quad \dots\dots\dots \quad 60\text{cm}$$

$$4\text{dm} + 32\text{cm} \quad \dots\dots\dots \quad 8\text{dm} - 20\text{cm} + 12\text{cm}$$

$$9\text{dm} - 40\text{cm} \quad \dots\dots\dots \quad 3\text{dm} + 38\text{cm}$$

Lời giải

Ta có:

$$+) 5\text{dm} + 13\text{cm} = 50\text{cm} + 13\text{cm} = 63\text{cm}$$

$$\text{Vì } 63\text{cm} > 60\text{cm} \text{ nên: } 5\text{dm} + 13\text{cm} > 60\text{cm}$$

$$+) 4\text{dm} + 32\text{cm} = 40\text{cm} + 32\text{cm} = 72\text{cm}$$

$$8\text{dm} - 20\text{cm} + 12\text{cm} = 80\text{cm} - 20\text{cm} + 12\text{cm} = 72\text{cm}$$

$$\text{Vì } 72\text{cm} = 72\text{cm} \text{ nên: } 4\text{dm} + 32\text{cm} = 8\text{dm} - 20\text{cm} + 12\text{cm}$$

$$+) 9\text{dm} - 40\text{cm} = 90\text{cm} - 40\text{cm} = 50\text{cm}$$

$$3\text{dm} + 38\text{cm} = 30\text{cm} + 38\text{cm} = 68\text{cm}.$$

$$\text{Vì } 50\text{cm} < 68\text{cm} \text{ nên: } 9\text{dm} - 40\text{cm} < 3\text{dm} + 38\text{cm}.$$

Bài 2. (1,5 điểm) Cho hai số có tổng là 60. Sau khi thêm vào số lớn 19 đơn vị và bớt ở số bé đi 7 đơn vị thì ta được tổng mới. Tìm tổng mới đó.

Lời giải

Thêm 19 đơn vị vào số lớn thì tổng tăng 19 đơn vị.

Bớt 7 đơn vị ở số bé thì tổng giảm 7 đơn vị.

$$\text{Vậy tổng mới là: } 60 + 19 - 7 = 72.$$

Bài 3. (2 điểm) Năm nay Bông 4 tuổi và mẹ Bông 35 tuổi. Hỏi 8 năm nữa mẹ hơn Bông bao nhiêu tuổi?

Lời giải

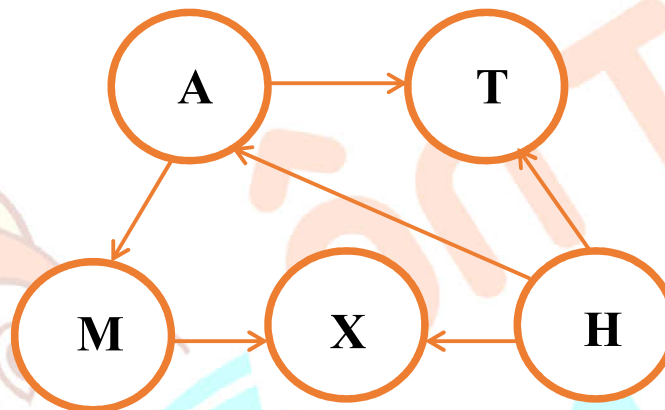
Năm nay mẹ hơn Bông số tuổi là:

$$35 - 4 = 31 \text{ (tuổi).}$$

Vì mỗi năm mỗi người đều tăng thêm 1 tuổi nên hiệu số tuổi của mẹ và Bông không thay đổi qua các năm.

Vậy 8 năm nữa mẹ hơn Bông 31 tuổi.

Bài 4. (0,5 điểm) Các số tự nhiên 1, 2, 3, 4, 5 được điền vào các vòng tròn dưới đây sao cho mỗi số được điền 1 lần và mỗi vòng tròn được điền 1 số. Chiều mũi tên chỉ từ số bé đến số lớn. Tìm số được điền ở vòng tròn A.



Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số cần điền ở vòng tròn A là: **2**

(Theo đề bài và chiều các mũi tên ta suy ra:

Số điền ở vòng tròn A < Số điền ở vòng tròn M < Số điền ở vòng tròn X;

Số điền ở vòng tròn H < Số điền ở vòng tròn A < Số điền ở vòng tròn T.

Vậy số điền ở vòng tròn H nhỏ nhất là 1 và số điền ở vòng tròn A nhỏ thứ hai là 2.

Vậy số được điền ở vòng tròn A là **2**.)

ĐỀ SỐ 9

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 2

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	32 ; 42	B	C	D	A	B	C	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

$56 + 7$

$$\begin{array}{r} 56 \\ + \\ 7 \\ \hline 63 \end{array}$$

$19 + 35$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + \\ 35 \\ \hline 54 \end{array}$$

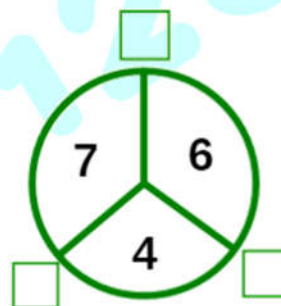
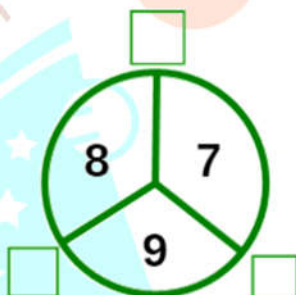
$61 - 24$

$$\begin{array}{r} 61 \\ - \\ 24 \\ \hline 37 \end{array}$$

$100 - 82$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - \\ 82 \\ \hline 18 \end{array}$$

Bài 2. (1,5 điểm) Quan sát hình dưới đây và điền các số còn thiếu vào chỗ trống:



Lời giải

Quan sát hình thứ nhất ta thấy:

$2 + 9 = 11$; $2 + 8 = 10$; $8 + 9 = 17$.

Mỗi số nằm ngoài hình tròn chính bằng tổng của 2 số nằm trong hình tròn.

Do đó ta có:

Hình thứ hai:

$8 + 7 = 15$; $8 + 9 = 17$; $9 + 7 = 16$

Hình thứ ba: $7 + 6 = 13$; $7 + 4 = 11$; $4 + 6 = 10$.

Vậy đáp án là:



Bài 3. (2 điểm) Nhà Hồng Xiêm có một giá sách có 2 ngăn, mỗi ngăn là 42 quyển sách. Hưởng ứng phong trào quyên góp ủng hộ cho trẻ em những vùng khó khăn, gia đình Hồng Xiêm đã quyên góp 30 quyển sách cho quỹ. Hỏi trên giá sách nhà Hồng Xiêm còn lại bao nhiêu quyển sách?

Lời giải

Tổng số sách ở cả hai ngăn là:

$$42 + 42 = 84 \text{ (quyển)}$$

Trên giá còn lại số quyển sách là:

$$84 - 30 = 54 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 54 quyển sách.

Bài 4. (0,5 điểm) Vùng sưu tầm được 17 cái sticker. Anh trai Vùng sưu tầm được 12 cái sticker. Mỗi trang của bộ sưu tập không chứa được nhiều hơn 9 cái sticker. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu trang để trưng bày được toàn bộ số sticker của hai anh em?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Cần ít nhất **4** trang để trưng bày được toàn bộ số tem của hai anh em.

(Tổng số tem của hai anh em Vùng là: $17 + 12 = 29$ (cái sticker).

Mỗi trang của bộ sưu tập không chứa được nhiều hơn 9 cái sticker nên ta có:

+) Trang thứ nhất: 9 cái sticker

+) Trang thứ hai: 9 cái sticker

+) Trang thứ ba: 9 cái sticker

+) Trang thứ tư: 2 cái sticker (vì: $29 - 9 - 9 - 9 = 2$)

Do đó cần ít nhất 4 trang để trưng bày được toàn bộ số tem của hai anh em.)